

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án "Hải Phòng - Thành phố Đổi mới sáng tạo" trên địa bàn xã Kiến Thụy giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số Quốc gia; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Chiến lược quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các chương trình, kế hoạch của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Đề án "Hải Phòng - Thành phố Đổi mới sáng tạo";

Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Hải Phòng - Thành phố Đổi mới sáng tạo" trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của Đề án "Hải Phòng - Thành phố Đổi mới sáng tạo" phù hợp với đặc thù kinh tế nông nghiệp, nông thôn của xã, lấy khoa học công nghệ và chuyên đổi số làm động lực nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, phát triển sản phẩm OCOP và kinh tế nông thôn.

- Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trên địa bàn,

trong đó lấy hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, tổ hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp làm trung tâm.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ vào toàn bộ chuỗi giá trị nông sản: sản xuất - sơ chế, bảo quản - truy xuất nguồn gốc - tiêu thụ, từng bước hình thành nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm trong cán bộ, hội viên nông dân và Nhân dân địa phương.

2. Yêu cầu

- Bám sát nội dung Đề án của thành phố, không xây dựng dàn trải, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, có lộ trình, phân công cụ thể, gắn với nguồn lực và điều kiện thực tế của xã nông nghiệp.

- Kế thừa, phát huy các kết quả chuyển đổi số, cải cách hành chính đã đạt được (dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số, Tổ Công nghệ số cộng đồng...), không xây dựng lại từ đầu mà lồng ghép, bổ sung nội dung nông nghiệp - nông thôn.

- Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, Hội Nông dân, các HTX nông nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn trong quá trình triển khai; huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN QUAN

Xã Kiến Thụy là địa bàn có cơ cấu kinh tế nông nghiệp giữ vai trò quan trọng, với diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích tự nhiên (diện tích trồng trọt là 842,7 ha; tổng số vật nuôi là 139.543 con; diện tích nuôi trồng thủy sản là 130 ha). Đồng thời có các vùng sản xuất tập trung cây trồng, vật nuôi chủ lực và một số sản phẩm OCOP tiêu biểu.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn còn ở mức khởi đầu: phần lớn hộ sản xuất quy mô nhỏ, canh tác theo kinh nghiệm truyền thống; việc truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử nông sản, thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch nông sản chưa phổ biến. Đây là dư địa và cũng là yêu cầu đặt ra để Kế hoạch tập trung tháo gỡ.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Xây dựng môi trường, hạ tầng số phục vụ sản xuất nông nghiệp và đổi mới sáng tạo

- **Cải cách hành chính:** Duy trì, nâng cao tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến đất đai nông nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, HTX được thực hiện trực tuyến toàn trình tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

- **Hạ tầng số:** Đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, internet băng thông rộng đến các vùng sản xuất tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản còn khó khăn về sóng, kết nối; duy trì, nâng cấp Công thông tin điện tử của xã do Văn phòng HĐND và UBND xã vận hành, bổ sung chuyên mục thông tin thị trường nông

sản, giá cả, dự báo thời tiết, cảnh báo dịch bệnh cây trồng - vật nuôi.

- **Không gian đổi mới sáng tạo:** Nghiên cứu, đề xuất hình thành điểm hỗ trợ đổi mới sáng tạo cấp cơ sở gắn với khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, làm nơi trình diễn kỹ thuật mới, kết nối chuyên gia, doanh nghiệp với nông dân.

2. Chuyển đổi số trong sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ nông sản

- **Truy xuất nguồn gốc:** triển khai gắn mã QR truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của xã, kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc của thành phố.

- **Thương mại điện tử nông sản:** hỗ trợ hộ sản xuất, HTX đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, mở gian hàng số, livestream bán hàng nông sản.

- **Nhật ký sản xuất điện tử:** khuyến khích các vùng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ ghi chép nhật ký sản xuất bằng ứng dụng số, từng bước ứng dụng cảm biến giám sát môi trường (đất, nước, khí hậu) tại mô hình điểm.

- **Thanh toán không dùng tiền mặt:** vận động các điểm thu mua, HTX, cơ sở sơ chế nông sản trên địa bàn triển khai các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn

- Lựa chọn, xây dựng ít nhất 01 mô hình điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm, cơ giới hóa khâu sản xuất) gắn với sản phẩm OCOP để nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

- Khuyến khích mô hình nông nghiệp tuần hoàn (tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, chăn nuôi - trồng trọt - thủy sản kết hợp) nhằm giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

- Phối hợp cơ quan chuyên môn cấp trên, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật, giống mới cho các mô hình điểm.

4. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, kỹ năng số cho nông dân, hợp tác xã

- Tổ chức tập huấn kỹ năng số, kỹ năng bán hàng trên nền tảng số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho hội viên nông dân, thành viên HTX, lồng ghép với nền tảng “Bình dân học vụ số” theo Chỉ thị 14/CT-TTg.

- Phát huy vai trò của các Tổ Công nghệ số cộng đồng hiện có trên địa bàn trong việc “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận công nghệ, đồng thời gắn kết với Tổ khuyến nông cộng đồng để chuyển giao kỹ thuật.

- Hỗ trợ, khuyến khích thanh niên, người trẻ tại địa phương khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến, thương mại nông sản.

5. Phát động các phong trào đổi mới sáng tạo đặc thù địa phương

- Phát động phong trào “Nông nghiệp công nghệ cao - OCOP đổi mới”, tập

trung ứng dụng công nghệ vào sản xuất, truy xuất nguồn gốc và nâng cao chất lượng sản phẩm đặc trưng của xã.

- Phối hợp Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân triển khai các phong trào “Thanh niên sáng tạo - làm chủ tương lai”, “Phụ nữ đổi mới sáng tạo - kiến tạo giá trị tương lai”, “Nông dân sáng tạo - làm giàu trên đồng đất quê hương”.

- Xây dựng phong trào “Đổi mới sáng tạo trong quản trị công - chính quyền số” thông qua các sáng kiến cải cách hành chính và ứng dụng dữ liệu trong quản lý đất đai nông nghiệp, quản lý vùng sản xuất.

6. Truyền thông và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo

- Sử dụng đa dạng kênh truyền thông (loa truyền thanh, mạng xã hội, hội nghị đầu bờ, hội thảo cộng đồng) để lan tỏa các mô hình, câu chuyện đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp và tinh thần khởi nghiệp nông thôn.

- Biểu dương, nhân rộng các gương điển hình nông dân sản xuất giỏi ứng dụng công nghệ, khuyến khích cộng đồng trao đổi kinh nghiệm, hiến kế giải pháp cho các vấn đề chung của địa phương.

IV. CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

| STT | Chỉ tiêu | Đến 2026 | Đến 2028 | Đến 2030 | Đơn vị chủ trì |
|-----|--|-----------------|-------------|--------------|---|
| 1 | Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp chủ lực được gắn mã truy xuất nguồn gốc (QR code) | ≥30% | ≥60% | 100% | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 2 | Số sản phẩm OCOP được số hóa, đưa lên sàn thương mại điện tử | ≥3 sản phẩm | ≥6 sản phẩm | ≥10 sản phẩm | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 3 | Số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao/nông nghiệp tuần hoàn được nhân rộng | 01 mô hình điểm | 03 mô hình | 05 mô hình | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp, HTX được tập huấn kỹ năng số, thương mại điện tử | ≥20% | ≥50% | ≥80% | Tổ Công nghệ số cộng đồng; Hội Nông dân |
| 5 | Tỷ lệ diện tích sản xuất áp dụng quy trình VietGAP/hữu cơ có ứng dụng công nghệ giám sát (cảm biến, nhật ký điện tử) | ≥10% | ≥30% | ≥50% | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |

| STT | Chỉ tiêu | Đến 2026 | Đến 2028 | Đến 2030 | Đơn vị chủ trì |
|-----|--|--------------------|------------------------------------|------------------------------------|--|
| 6 | Tổ Công nghệ số cộng đồng | 100% tổ ở các thôn | Duy trì, nâng chất lượng hoạt động | Duy trì, nâng chất lượng hoạt động | Phòng Kinh tế |
| 7 | Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch nông sản tại các điểm thu mua, hợp tác xã | ≥20% | ≥50% | ≥75% | Phòng Kinh tế; Ngân hàng, hợp tác xã nông nghiệp |

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

| Giai đoạn | Nội dung trọng tâm |
|-------------|---|
| 2026 | Hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng viễn thông phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng 01 mô hình điểm nông nghiệp công nghệ cao gắn với OCOP; tập huấn kỹ năng số cho nông cốt Tổ Công nghệ số cộng đồng; triển khai gắn mã truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chủ lực. |
| 2027 - 2028 | Nhân rộng mô hình nông nghiệp công nghệ cao/tuần hoàn ra các khu vực sản xuất tập trung; đưa các sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử; mở rộng tập huấn kỹ năng số, thương mại điện tử cho hộ sản xuất, HTX; thí điểm thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm thu mua nông sản. |
| 2029 - 2030 | Hoàn thiện hệ sinh thái ĐMST nông nghiệp - nông thôn của xã; sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả; đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ ĐMST nông nghiệp giai đoạn tiếp theo trình cấp có thẩm quyền. |

VI. NGUỒN KINH PHÍ

- Ưu tiên bố trí ngân sách hằng năm của xã cho các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kinh phí khuyến nông, khuyến công và các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Huy động các nguồn lực hợp pháp, xã hội hóa từ doanh nghiệp, HTX nông nghiệp và cộng đồng trên địa bàn; khuyến khích hình thức hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng số phục vụ sản xuất.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì công tác truyền thông, tổ chức phong trào đổi mới sáng tạo, tập huấn kỹ năng số; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng gắn với nhiệm vụ hỗ trợ nông dân.

- Tham mưu bố trí, lồng ghép kinh phí hằng năm cho các nhiệm vụ tại Kế

hoạch, bảo đảm đúng quy định.

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã: phối hợp với Phòng Kinh tế cụ thể hóa các nhiệm vụ của Kế hoạch thành chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân xã; tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử của xã.

3. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, truy xuất nguồn gốc, OCOP đổi mới và phát triển hạ tầng số phục vụ sản xuất;

- Chủ trì rà soát, bổ sung số liệu đặc điểm tình hình nông nghiệp tại Mục II.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQVN xã và các Đoàn thể nhân dân

- Hội Nông dân: chủ trì, phối hợp vận động hội viên tham gia các mô hình điểm, phong trào thi đua sản xuất ứng dụng công nghệ; là cầu nối giữa nông dân với các lớp tập huấn kỹ năng số.

- Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã: chủ động phát động, tổ chức các phong trào, cuộc thi đổi mới sáng tạo trong đoàn viên, hội viên gắn với lĩnh vực nông nghiệp, khởi nghiệp nông thôn.

5. Đề nghị các HTX, tổ hợp tác nông nghiệp trên địa bàn: chủ động tham gia xây dựng mô hình điểm, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm thu mua.

Kế hoạch này là căn cứ để các Phòng chuyên môn, đơn vị, các tổ chức đoàn thể liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Phòng Kinh tế để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- S. KH&CN, S. NN&MT;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã; } (Đề b/c)
- CT, Các PCT UBND xã;
- BCD của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, CDS và Đề án 06;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Thụy